TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/04/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lương và ông Phan Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn L, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần KQ,** sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn L, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn vợ chồng chị có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 02 năm, sau đó chị và anh Trần KQ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/9/2009 tại UBND xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, có tổ chức lễ cưới theo p tục địa phương. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó khoảng 03 (ba) năm trở lại đây chị và anh Trần KQ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh Qkhông tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh Q thường xuyên nhậu nhẹt về la mắng, xúc phạm và đánh đập chị; anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Nay chị H thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn

tình cảm, không thể chấp nhận cuộc sống chung với anh Quy nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung tên là Trần Kiêm P, sinh ngày 18/12/2009 và Trần Kiêm V, sinh ngày 27/11/2011. Cả hai con hiện đang ở với anh Quy. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, giao cháu P cho anh Quy trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa hôm nay chị đồng ý giao cả hai con cho anh Quy trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng tHnh.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn - anh Trần KQ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh đồng ý với ý kiến của chị H trình bày về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Quá trình chung sống vợ chồng trong khoảng 03 năm trở lại đây có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ từng có lỗi lầm, anh đã tha thứ và bỏ qua cho chị, nhưng có những lúc trong cuộc sống vì buồn bực nên anh có nhắc lại và đã to tiếng với vợ; vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 trở lại đây. Dù ly thân nhưng anh vẫn còn yêu thương vợ con nên chị H đề nghị ly hôn thì anh không đồng ý, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung anh thống nhất như lời trình bày của chị H. Nếu ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án xem xét giao cả hai con P và V cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi; anh đủ điều kiện nuôi con, tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Trần Kiêm P và Trần Kiêm V cùng trình bày: Hiện nay các cháu đang sống cùng anh Quy tại thôn Liễu Cốc Hạ, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; các cháu đang có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định cùng ba. Nếu ba mẹ ly hôn, cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với ba.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Trần KQ có địa chỉ thường trú tại thôn Liễu Cốc Hạ, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Trần KQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa

Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/9/2009, đúng quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại tình cảm của chị H đối với anh Quy không còn.

Anh Q không đồng ý ly hôn nhưng kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay, cả hai đều không có thiện chí hòa giải, Hn gắn mâu thuẫn. Điều này cho thấy hôn nhân của anh chị thực sự không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Kiêm P, sinh ngày 18/12/2009 và Trần Kiêm V, sinh ngày 27/11/2011. Hiện cả hai cháu đang ở với anh Q và đều có nguyện vọng ở cùng anh Q. Tại phiên tòa, chị H đồng ý giao cả hai con cho anh Q trực tiếp chăm sóc giáo dục. Xét thấy, cả hai cháu đang có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định cùng anh Q, do đó giao cả hai cháu cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi là hợp lý. Anh Q đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu H

Xử: Chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Trần KQ.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là Trần Kiêm P, sinh ngày 18/12/2009; Trần Kiêm V, sinh ngày 27/11/2011 cho anh Trần KQ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi; chị Lê Thị Thu H không cấp dưỡng cho con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các tHnh viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001317 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi Hnh án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND xã Hương Toàn;
- Các đương sự;
- Lưu dán;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mộng Trinh